

Số: 125/2020/QĐST-HNGĐ

*Liên Chiểu, ngày 27 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 284/2020/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Trần Quốc D**, sinh năm 1974.

- Bà **Mai Thị Thanh M**, sinh năm 1979.

Trú tại: Tổ x Xuân Thiều, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND phường Hòa Hiệp (nay là phường Hòa Hiệp Nam), quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông D, bà M về sống tại tổ x Xuân Thiều, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và không có tiếng nói chung trong gia đình, bà M không còn tình cảm với ông D. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, ông D và bà M xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông D, bà M được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M xác định trong thời kỳ hôn nhân ông D, bà M có 01 con chung tên Trần Mai H, sinh ngày 12.3.2000. Ly hôn cháu Trần Mai H đã đủ tuổi thành niên, ông D và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M xác định trong thời kỳ hôn nhân ông D, bà M có tài sản chung nhưng ông D, bà M tự thỏa thuận để lại cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M xác định trong thời kỳ hôn nhân ông D, bà M không có nợ chung.

Xét thấy: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp (nay là phường Hòa Hiệp Nam), quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng vào sổ đăng ký kết hôn số 58, quyển số 01 ngày 11.6.1999. Do đó, hôn nhân giữa ông D, bà M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, bà M không còn tình cảm với ông D. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, ông D và bà M xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về *quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M thuận tình ly hôn.

- Về *con chung*: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M xác định trong thời kỳ hôn nhân ông D, bà M có 01 con chung tên Trần Mai Huy, sinh ngày 12.3.2000. Ly hôn cháu Trần Mai H đã đủ tuổi thành niên, ông D và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung*: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M xác định trong thời kỳ hôn nhân ông D, bà M có tài sản chung nhưng ông D, bà M tự thỏa thuận để lại cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M xác định trong thời kỳ hôn nhân ông D, bà M không có nợ chung.

2. Lệ phí HNGĐ-ST 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí HNGĐ-ST 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Trần Quốc D và bà Mai Thị Thanh M đã nộp theo biên lai thu số 0004541 ngày 06.7.2020 tại chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CCTHADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thanh Hùng**